

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HSST
Ngày: 27-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Khanh.

2. Bà Hoàng Thị Lam.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, cán bộ
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Ông Vi Lương Thanh - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 42/2017/HSST ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Đào Thị Kim L (Tên gọi khác: Đào Thị L) - Sinh ngày 01/01/1965.

Nơi ĐKKHTT: Xóm P, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trú tại: Tổ 05, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ văn hoá: 07/10; Nghề nghiệp: Kinh doanh.

Con ông Đào Văn T - Sinh năm 1931,

Con bà Nguyễn Thị V - Sinh năm 1931.

Cùng trú tại: Khu 5, xã B, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Gia đình bị cáo có 06 anh, chị, em; bị cáo là con thứ ba.

Chồng là Hồ Văn H - Sinh năm 1962 (Đã chết).

Có 01 con sinh năm 1993;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/5/2017. Hiện nay bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Phạm Thế Q - Sinh năm 1985.

Trú tại: Tổ 03, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Đào Thị Kim L bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 22 giờ 38 phút, ngày 09/5/2017, Tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, tiến hành kiểm tra hành chính nhà nghỉ A (Thuộc tổ 02, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) bắt quả tang Lê Thị P (Sinh năm 1992) là nhân viên quán Karaoke B - do Đào Thị Kim L làm chủ và Phạm Thế Q (Sinh năm 1985) đang có hành vi mua bán dâm. Vật chứng thu được gồm 03 bao cao su, trong đó 01 bao cao su đang được đeo trên bộ phận sinh dục của Phạm Thế Q; 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) ở trong túi xách màu đen của Lê Thị P; 03 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) của Phạm Thế Q và một số vật chứng khác.

Mở rộng điều tra đã xác định: Đào Thị Kim L thuê địa điểm mở quán Karaoke (Tại tổ 05, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) từ tháng 9 năm 2015 đến khi bị bắt. L đặt tên quán là: “Quán B”.

Quá trình hoạt động kinh doanh, L có tuyển nhân viên nữ để phục vụ quán hát và để thực hiện hành vi môi giới mại dâm. L quy định với các nhân viên về việc không trả tiền lương tháng, chỉ tính tiền công theo giờ hát mà các nhân viên phục vụ khách. L cho phép các nhân viên trong quán Karaoke B, đi bán dâm cho khách đến hát tại quán, khi khách có nhu cầu mua dâm, khách trực tiếp thỏa thuận với nhân viên. Trước khi đi bán dâm, nhân viên phải hỏi và được sự cho phép của L. Mỗi lần đi bán dâm dạng nhanh (Quan hệ một lần) thì thu của khách 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi đi bán dâm về, nhân viên phải nộp cho L 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Đi bán dâm dạng qua đêm, thì thu của khách 1.000.000đ (Một triệu đồng) và sau khi bán dâm xong phải nộp cho L 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng). Đi bán dâm lần nào thì nhân viên phải nộp tiền cho L lần đó.

Nhân viên quán của L có Lê Thị P đã đi bán dâm 02 lần, lần thứ nhất là khoảng 23 giờ ngày 08/5/2017 và lần thứ hai là buổi tối ngày 09/5/2017 thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang. P đã đưa cho L tiền thu được từ việc bán dâm tối ngày 08/5/2017. Ngày 09/5/2017 khi đang bán dâm thì bị bắt quả tang, nên P chưa kịp đưa tiền cho L. Lò Thị Đ (Sinh năm 1990) đến làm việc tại quán B từ tháng 03/2017. Đ đã đi bán dâm cho khách 07 lần. Những lần đi bán dâm về thì Đ đều phải đưa tiền cho L theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 32/KSĐT-TA ngày 16/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đào Thị Kim L về tội môi giới mại dâm theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận được đồng ý cho P đi bán dâm 01 lần vào tối 09/5/2017 và P đã bị công an bắt quả tang. Bị cáo không được nhận tiền từ P và không được môi giới cho Đ, cho P đi bán dâm nhiều lần như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Đào Thị Kim L về tội: “Môi giới mại dâm”. Tuy nhiên, sau khi xét hỏi và phân tích tính chất hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đã rút một phần nội dung bản cáo trạng đối với bị cáo Đào Thị Kim L từ việc truy tố bị cáo L theo khoản 2 Điều 255 xuống khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Bởi lẽ: Tại phiên tòa bị cáo L vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, bị cáo khẳng định được đồng ý cho P đi bán dâm 01 lần và không được nhận tiền từ P. Ngoài lời khai của Đ, lời khai của P, trong hồ sơ không có tài liệu nào khác thể hiện bị cáo môi giới mại dâm nhiều lần. Do vậy, không đủ căn cứ để truy tố bị cáo L theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 255; Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đào Thị Kim L phạm tội môi giới mại dâm.
- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đào Thị Kim L: Từ 06 tháng đến 09 tháng tù.
- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát kết luận về vụ án, bị cáo nhất trí, không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất, để bị cáo sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đào Thị Kim L thừa nhận hành vi phạm tội và khai: Sau khi chấp hành xong hình phạt tù về tội "mua bán trái phép chất ma túy" bị cáo đã đến thị trấn N, huyện H, tỉnh Cao Bằng mở quán karaoke và bán giải khát để kiếm tiền. Do việc kinh doanh không thuận lợi, nên đến cuối tháng 5/2015 bị cáo đã chuyển địa điểm kinh doanh, đến thuê nhà của ông S (Thuộc tổ 05, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) để kinh doanh quán karaoke và bán nước giải khát, mang tên "quán B". Bị cáo đã thu nhận những nhân viên nữ, tuổi còn trẻ ở các tỉnh ngoài, gồm Lê Thị P (Sinh năm 1992) và Trần Như Q (Sinh năm 1991) cùng trú tại thành phố N, tỉnh Thái Nguyên; Lò Thị Đ (Sinh năm 1990) trú tại huyện M, tỉnh Sơn La và Hương, Ngân, Ly, Hằng (Không rõ địa chỉ). Các nhân viên trên đều ăn ngủ tại quán để phục vụ khách, việc thuê nhân viên không có hợp đồng mà chỉ thỏa thuận bằng miệng, các nhân viên phục vụ khách hát và nhận thù lao từ khách thanh toán, mỗi giờ hát nhận 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Hàng ngày L trừ tiền ăn của nhân viên mỗi người 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Khi làm việc tại quán hát, các nhân viên đi bán đêm hay không, bị cáo không biết. Buổi tối 09/5/2017 khi P xin phép đi bán đêm, ban đầu bị cáo không đồng ý, nhưng do P năn nỉ, nên bị cáo đã đồng ý cho P đi bán đêm và P đã bị công an bắt quả tang. Bị cáo chỉ được đồng ý cho P đi bán đêm duy nhất 01 lần vào tối ngày 09/5/2017.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng Lê Thị P khai từ khi đến làm việc ở quán B thì P đã đi bán đêm 02 lần, lần đầu khoảng 23 giờ ngày 08/5/2017 có nộp cho bà L 100.000đ; lần thứ hai là ngày 09/5/2017 thì bị bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra người làm chứng Lò Thị Đ khai từ khi vào làm tại quán bà L, Đ đã đi bán đêm cho khách là 07 lần (Trong đó có 04 lần dạng nhanh và 03 lần qua đêm) và Đ đã nộp cho bị cáo L số tiền là 1.000.000 đồng.

Xét thấy việc P khai được đi bán đêm 02 lần; Đ khai được đi bán đêm 07 lần - P và Đ tự đi bán đêm, không ai biết. Bị cáo L không thừa nhận. Do vậy, không thể dùng lời khai duy nhất của P và dùng lời khai duy nhất của Đ để quy kết bị cáo L phạm tội 09 lần như bản cáo trạng đã truy tố. Tại phiên tòa, đại diện

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng rút một phần nội dung bản cáo trạng đối với bị cáo Đào Thị Kim L từ việc truy tố bị cáo L theo quy định khoản 2 Điều 255 xuống khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Bị cáo có năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi môi giới mại dâm là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ tư lợi nên đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân, làm băng hoại nhân cách đạo đức con người và là một trong những nguyên nhân lây lan các bệnh xã hội. Do vậy việc đưa bị cáo ra truy tố trước pháp luật là cần thiết và phải xử phạt nghiêm khắc, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về nhân thân của bị cáo:

- Bị cáo ngày 26/12/1994 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản;

- Ngày 14/10/1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội chứa mại dâm;

- Ngày 05/6/2000 bị Công an thành phố Thái Nguyên xử phạt hành chính 1.000.000,đ (Một triệu đồng đồng về hành vi: “chứa mại dâm, môi giới mại dâm”;

- Ngày 19/3/2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 08 năm tù về tội: “mua bán trái phép chất ma túy”.

Mặc dù đã được xóa án tích, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, tại phiên tòa bị cáo đã nhận tội và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét thấy đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đề nghị xử phạt bị cáo Đào Thị Kim L từ 06 đến 09 tháng tù là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Về việc xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý như sau:

** Đối với những vật chứng gồm:*

- 01 bao cao su đã qua sử dụng phát hiện trên dương vật của Phạm Thế Q.

- 02 (Hai) bao cao su còn mới chưa qua sử dụng nhãn hiệu Condom Huale.

- 01 (Một) tuýp nhựa bên trong có chứa dung dịch bôi trơn bộ phận sinh dục để dùng khi quan hệ tình dục.

- 01 (Một) túi xách của Lê Thị P.

Xét thấy những vật chứng này không có giá trị và không sử dụng được, cần tịch thu tiêu hủy.

** Đối với những vật chứng thu giữ của bị cáo L gồm:*

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại wave RS, màu sơn đỏ - đen biển kiểm soát 11H1 - 049.xx, số khung 8118xx, số máy 53922xx, loại xe hai bánh. (Tại phiên tòa, bị cáo khai rằng chiếc xe máy này là của bị cáo mua, nhưng vì không có hộ khẩu, nên bị cáo đã nhờ anh Khúc Ngọc V đứng tên đăng ký xe. Bị cáo dùng làm phương tiện đi lại và thường xuyên để tại quán. Việc P lấy xe máy của bị cáo làm phương tiện chở khách mua dâm đến nhà nghỉ, bị cáo không biết). Do vậy cần hoàn trả lại chiếc xe cho bị cáo.

- 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau;

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có số IMEL 1 là: 8630910349467xx, IMEL 2 là: 8630910349467xx.

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0038xx mang tên Khúc Ngọc V, BKS: 11H1 - 049.xx.

- 03 (Ba) quyển sổ bên trong ghi chép việc kinh doanh hàng ngày của quán B và tiền gửi của nhân viên hàng ngày.

Xét thấy những vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, cần xử hoàn trả lại cho bị cáo.

** Đối với những tài sản thu giữ của Phạm Thế Q gồm:*

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 0631293xx.

- 01 Giấy phép lái xe số 1001350064xx.

- 01 (Một) ví da của Phạm Thế Q.

- 01 Thẻ ATM của TECHCOMBANK số 9704 0788 2456 xxxx đều mang tên Phạm Thế Q.

- 01 (Một) Giấy đăng ký mô tô xe máy số 0004xx của Phạm Thế V.

- 03 (Ba) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền Q rút tại cây ATM có các số seri như sau: EE16588810; LM 15488040; FO14457259.

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đồng, máy cũ đã qua sử dụng có IMEL 1 là: 8691250235500xx, IMEL 2 là: 8691250235500xx của Phạm Thế Q đã niêm phong.

- Số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau;

Xét thấy những tài sản trên, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần xử hoàn trả lại cho anh Phạm Thế Q.

** Đối với những vật chứng gồm:* 01 tờ tiền NHNN Việt Nam mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) có số seri EN 10847765 là tiền mua dâm Q trả cho P và số tiền 59.000đ (Năm mươi chín nghìn đồng) gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau thì cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Thị Kim L phạm tội "Môi giới mại dâm".

2. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Đào Thị Kim L 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, ngày 21/5/2017.

3. Về xử lý vật chứng và tài sản tạm giữ: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

** Tịch thu tiêu hủy số vật chứng gồm:*

- 01 (Một) bao cao su đã qua sử dụng phát hiện trên dương vật của Phạm Thế Q.

- 01 (Một) túi xách của Lê Thị P.

- 02 (Hai) bao cao su còn mới chưa qua sử dụng nhãn hiệu Condom Huale.

- 01 (Một) tuýp nhựa bên trong có chứa dung dịch bôi trơn bộ phận sinh dục để dùng khi quan hệ tình dục.

* Xử tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

- 01 tờ tiền NHNN Việt Nam mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) có số seri EN 10847765 và số tiền 59.000đ (Năm mươi chín nghìn đồng) gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau;

* Hoàn trả lại cho bị cáo Đào Thị Kim L số tài sản gồm:

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO có số IMEL 1: 8630910349467xx, IMEL 2: 8630910349467xx.

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 0038xx mang tên Khúc Ngọc V, BKS: 11H1 - 049.xx.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại wave RS, màu sơn đỏ - đen biển kiểm soát 11H1 - 049.xx, số khung 8118xx, số máy 53922xx, loại xe hai bánh.

- 5.625.000đ (Năm triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau.

- 03 (Ba) quyển sổ bên trong ghi chép việc kinh doanh hàng ngày của quán B và tiền gửi của nhân viên hàng ngày.

* Hoàn trả cho Phạm Thế Q số vật chứng không liên quan đến vụ án gồm:

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân số 0631293xx; 01 Giấy phép lái xe số 1001350064xx; 01 (Một) ví da của Phạm Thế Q; 01 Thẻ ATM của TECHCOMBANK số 9704 0788 2456 xxxx đều mang tên Phạm Thế Q;

- 01 (Một) Giấy đăng ký mô tô xe máy số 0004xx của Phạm Thế V;

- 03 (Ba) tờ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam loại mệnh giá 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) là tiền Q rút tại cây ATM có các số seri như sau: EE16588810; LM 15488040; FO14457259;

- 01 (Một) Điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đồng, máy cũ đã qua sử dụng có IMEL 1 là: 8691250235500xx, IMEL 2 là: 8691250235500xx của Phạm Thế Q đã niêm phong.

- 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) gồm các loại tờ tiền mệnh giá khác nhau.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Thị Kim L phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết được quyền kháng cáo về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng PC 45 Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam CA tỉnh CB;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương